

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Số: 07/2010/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nha Trang, ngày 10 tháng 12 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định mức thu, phân cấp thu nộp, quản lý và sử dụng
phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA IV - KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 12 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 31 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi xem xét Tờ trình số 6388/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 42/BKTNS ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Ban kinh tế và ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mức thu, phân cấp thu, nộp, quản lý và sử dụng phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa như sau:

1. Đối tượng

a) Đối tượng chịu phí: hộ gia đình (bao gồm cả thường trú và tạm trú); hộ kinh doanh buôn bán, nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ; các cơ quan hành chính, sự nghiệp; văn phòng làm việc, cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế; các đơn vị quân đội, công an,... có rác thải sinh hoạt.

b) Đối tượng không chịu phí: hộ gia đình thuộc diện hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.

2. Mức thu

T T	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Mức thu			
			Thành phố	Thị xã	Huyện đồng bằng	Huyện miền núi
1	Hộ gia đình có xe đến tận nơi lấy rác	Đồng/hộ/tháng	10.000	9.000	8.000	7.000
2	Hộ gia đình không có xe đến tận nơi lấy rác	Đồng/hộ/tháng	6.000	5.500	5.000	4.000
3	Cá nhân thuê nhà để ở, học sinh, sinh viên ở khu nội trú, ký túc xá					
a	Nếu có xe đến tận nơi lấy rác	Đồng/phòng / tháng	3.000	2.500	2.000	2.000
b	Nếu không có xe đến tận nơi lấy rác	Đồng/phòng / tháng	2.500	2.000	2.000	2.000
4	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ					
a	Buôn bán nhỏ hàng ăn uống (chưa quản lý thu thuế môn bài)	Đồng/hộ/tháng	14.000	13.000	11.000	10.000
b	Hộ kinh doanh hàng ăn uống có đóng thuế môn bài	Đồng/hộ/tháng	16.000	14.000	13.000	11.000
c	Hộ kinh doanh ngành khác	Đồng/hộ/tháng	12.000	11.000	10.000	8.000
d	Hộ buôn bán không có lô sạp cố định, không phải bán hàng ăn uống	Đồng/hộ/tháng	11.000	10.000	9.000	8.000
5	Hộ kinh doanh trong các chợ loại 3					
a	Hộ kinh doanh hàng ăn uống	Đồng/hộ/tháng	17.000	15.000	14.000	12.000
b	Hộ kinh doanh ngành khác	Đồng/hộ/tháng	13.000	12.000	10.000	9.000
c	Hộ buôn bán không có lô sạp cố định, không phải bán hàng ăn uống	Đồng/hộ/tháng	12.000	11.000	10.000	8.000
6	Hộ kinh doanh trong các chợ loại 1, 2					
a	Hộ kinh doanh hàng ăn uống, rau củ quả chưa qua chế biến, thực phẩm tươi sống, hải sản	Đồng/hộ/tháng	19.000	17.000	15.000	13.000

b	Hộ kinh doanh ngành khác	Đồng/hộ/tháng	14.000	13.000	11.000	10.000
7	Các cơ quan đơn vị	Đồng/CQ/tháng	36.000	32.000	29.000	25.000
8	Cửa hàng các doanh nghiệp	Đồng/CH/tháng	181.000	163.000	145.000	126.000
9	Hộ kinh doanh buôn bán lớn	Đồng/hộ/tháng	74.000	67.000	60.000	52.000
10	Khách sạn, nhà nghỉ không kinh doanh ăn uống	Đồng/KS/tháng	90.000	81.000	72.000	63.000
11	Khách sạn có kinh doanh ăn uống					
a	Trên 20 phòng	Đồng/KS/tháng	217.000	196.000	174.000	152.000
b	Từ 20 phòng trở xuống	Đồng/KS/tháng	181.000	163.000	145.000	127.000
12	Cửa hàng, nhà hàng kinh doanh ăn uống	Đồng/CH/tháng	181.000	163.000	145.000	127.000
13	Các nhà máy, bệnh viện, chợ, nhà ga, bến tàu, bến xe, các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế (không bao gồm các cơ sở quy định tại mục 14 dưới đây)	Đồng/tấn rác thải	166.000	150.000	133.000	116.000
14	Các cơ sở chế biến thủy sản, cơ sở giết mổ gia súc, cơ sở sản xuất hóa chất, các đơn vị tổ chức hội chợ trên địa bàn	Đồng/tấn rác thải	216.000	195.000	173.000	151.000
15	Các công trình xây dựng	Đồng/m ³	160.000	144.000	128.000	112.000

3. Phân cấp thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí vệ sinh:

Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể việc phân cấp thu, nộp, quản lý và sử dụng phí vệ sinh trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Bãi bỏ mục 1 khoản I Nghị quyết số 08/2003/NQ-HĐND3 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thu phí trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

2. Đối với địa bàn thành phố Nha Trang không áp dụng mức phí vệ sinh quy định tại Điều 1 Nghị quyết này mà thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng

nhân dân tỉnh về việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và thu phí vệ sinh phục vụ Dự án cải thiện vệ sinh môi trường thành phố Nha Trang.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này trên các lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi trách nhiệm được phân công.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khoá IV, kỳ họp thứ 15 thông qua./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần An Khánh